

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 112/2025/HS-PT
Ngày 26 tháng 8 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Phùng Anh Dũng, ông Trần Đức Kiên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trương Quang Hưng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Chiến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 162/2025/TLPT-HS ngày 16/4/2025 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 04/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 463/2025/QĐXXPT-HS ngày 04/8/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Nho C** (tên gọi khác: không), sinh ngày 20/8/1963 tại Quảng Nam; Nơi ĐKNKTT: **Tổ E, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng)**; Nơi cư trú: **1 H, phường N, quận H, thành Phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng)**; Nghề nghiệp: hưu trí; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông **Nguyễn Nho S** (đã chết) và bà **Hứa Thị M** (đã chết); gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu; có vợ **Lê Thị Tố N** (sinh năm 1965) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1988 và nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/8/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an thành phố Đ**, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Nho C**: Luật sư **Phan Thị T – Công ty L**; địa chỉ: **A T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng)**, có mặt.

Bị cáo: **Phạm Phú Q** (Tên gọi khác: không), sinh ngày 09/8/1962 tại Hà Nội; Nơi ĐKNKTT: **33/18 khu phố B, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng)**; Nơi cư trú: **số E đường V, phường P, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh)**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông **Phạm Phú K** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị D** (đã chết); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con đầu; Có vợ là **Nguyễn Thị Anh T1**

(sinh năm 1963) và 02 con, lớn sinh năm 1991 và nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đ. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Phú Q: Luật sư Đặng Trường T2 – Văn phòng luật sư Đặng Trường T2; địa chỉ: 112/18b đường B, phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

Bị hại: Công ty TNHH D3 (cũ) nay là Công ty TNHH Đ - Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Lê Bảo K1 (Giám đốc Công ty), sinh năm 1982; nơi cư trú: 4 đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng), có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ bà Lê Thị Tổ N, sinh năm 1965; nơi cư trú: 1 H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng nay là phường H, thành phố Đà Nẵng), vắng.

2/ ông Nguyễn Nho Trường S1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Căn hộ S, tòa nhà S khu C, phường L, TP T, TP Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng.

3/ ông Nguyễn Nho H, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ F T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng), vắng.

4/ ông Đinh Văn T3, sinh năm 1987; nơi cư trú: 2 T, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng), vắng.

5/ bà Lê Thị T4, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện Đ, Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã P, TP Hồ Chí Minh).

6/ ông Nguyễn Hải D1, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ C, phường P, quận N, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội), vắng.

7/ ông Lê Văn S2, sinh năm 1962; nơi cư trú: A N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng).

8/ bà Nguyễn Thị Anh T1, sinh năm 1963; nơi cư trú: E V, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng.

9/ Ngân hàng TMCP K3 – Chi nhánh Thành phố H; địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà L, số I T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh, do bà Nguyễn Thị Hương G đại diện, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH D3 (sau đây gọi tắt là Công ty D3) có địa chỉ văn phòng giao dịch tại số A đường C tháng B, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, người đại diện theo pháp luật là ông Lê Bảo K1 - chức vụ Giám đốc.

Khoảng năm 2018, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thấy Ủy ban nhân dân thành phố Đ có chủ trương kêu gọi đầu tư Dự án Bến du thuyền khu vực cảng sông H (Y) thuộc phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Bảo K1 muốn Công ty D3 được đầu tư vào dự án này nên thông qua giới thiệu của ông Đinh Văn T3 (trú 2 T, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng) để tìm hiểu về thủ

tục, tính khả thi và được **T3** giới thiệu gặp một số người (không rõ lai lịch) và được những người này dẫn đến gặp **Phạm Phú Q.**

Mặc dù bản thân không có thẩm quyền, mối quan hệ có thể thực hiện được việc cấp Quyết định đồng ý chủ trương đầu tư của **Ủy ban nhân dân thành phố Đ** cho **Công ty D3** và biết **Nguyễn Nho C** cũng không có khả năng này nhưng **Q** vẫn liên hệ **Cầm** và thống nhất việc làm thủ tục này cho **Công ty K4** Quyền hướng dẫn ông **K1** làm Công văn số 01/KL-HCTH ngày 10/12/2018 “V/v đề xuất khai thác dự án bến du thuyền và nhà hàng ven **sông H**” gửi **Hội đồng nhân dân thành phố Đ**, **Ủy ban nhân dân thành phố Đ** và lãnh đạo thành phố Đà Nẵng. Khương giao văn bản này cho **C** để gửi bằng đường công văn đến bộ phận một cửa của **Ủy ban nhân dân T** và được lãnh đạo thành phố có bút phê góc trái Công văn có nội dung “*chuyển Sở KH-ĐT hướng dẫn - ngày 17/12/2018*”. Ngày 19/12/2018, sau khi **C** chuyển văn bản có bút phê của lãnh đạo thành phố cho **Q**, **Q** gọi ông **K1** đến Thành phố Hồ Chí Minh, đưa văn bản này để ông **K1** tin tưởng **Q** có mối quan hệ có thể xin cấp quyết định đầu tư dự án và yêu cầu ông **K1** giao Quyền số tiền 2.700.000.000 đồng. Khi nhận tiền, Quyền viết, ký tên vào giấy đề ngày 19/12/2018 vào cuốn sổ ông **K1** đưa có nội dung “*Thời hạn đến ngày 15/01/2019, nếu Công ty D3 không nhận được quyết định đầu tư, tôi xin hoàn trả lại số tiền 2.700.000.000 đồng. Tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật*” Việc giao nhận tiền, viết giấy có sự chứng kiến của ông **T3**. Sau đó, **Q** nói ông **K1** về **Đ** gặp **Nguyễn Nho C**, nội dung công việc **Q** đã trao đổi với **C** để thực hiện.

Ngày 21/12/2018, ông **K1** gặp **Nguyễn Nho C**, hai bên đến Phòng giao dịch **Ngân hàng B** tại **số A Đ, thành phố Đ** lập “Biên bản thỏa thuận về việc xin cấp Quyết định chấp thuận đầu tư dự án bến du thuyền tại khu vực **cảng sông H phường T, quận H (Y6)**”, Bên A là **Công ty K5** ông **Lê Bảo K1** làm đại diện, Bên B là **Nguyễn Nho C**, biên bản có nội dung: “Hai bên đồng ý thực hiện mở tài khoản chung với số tiền là 20 tỷ đồng tại **Ngân hàng B - P**; thời gian hiệu lực bắt đầu từ ngày chuyển tiền vào tài khoản đến hết ngày thứ 30. Bên A nhận được Quyết định về việc chấp thuận đầu tư của Dự án Bến du thuyền tại khu vực **cảng sông H, phường T, quận H (Y6)** do **UBND thành phố Đ** cấp. Sau thời gian trên nếu Bên A không nhận được Quyết định về việc chấp thuận đầu tư của Dự án Bến du thuyền này thì Bên A sẽ đưa ông **Nguyễn Nho C** ra khỏi đồng chủ tài khoản tại **Ngân hàng B**. Nếu Bên A nhận được Quyết định về việc chấp thuận đầu tư của dự án của **UBND thành phố Đ** thì hai đồng chủ tài khoản sẽ chuyển khoản cho ông **Nguyễn Nho C** số tiền là 20 tỷ đồng có trong tài khoản chung này”.

Sau khi ký cam kết, ông **K1** và **Nguyễn Nho C** mở tài khoản đứng tên đồng chủ sở hữu số 0467041003548 tại **Ngân hàng B**. Ngày 25/12/2018, ông **K1** thực hiện 04 giao dịch nộp vào tài khoản này số tiền 20.000.000.000 đồng. Đến ngày 26/02/2019, **C** và **Q** nói dự án sắp hoàn thành thủ tục, cần tiền để đẩy nhanh tiến độ đề nghị ông **K1** giải ngân số tiền 20.000.000.000 đồng tại tài khoản số 0467041003548 tại **Ngân hàng B** và cam kết chậm nhất đến ngày 30/3/2019, **Công ty D3** sẽ nhận được quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. Ông **K1** tin tưởng nên vào các ngày 26/2/2019 và 28/2/2019 cùng **C** đến **Ngân hàng B** làm thủ tục rút số tiền 20.000.000.000 đồng ra và giao cho **C**.

Quá trình giao nhận tiền, ông **Lê Bảo K1** đại diện cho **Công ty D3** (Bên A) ký các “*Biên bản thỏa thuận*” ngày 26/02/2019 và 28/02/2019 với **Phạm Phú Q** (Bên B) có cùng nội dung: “*Bên A đồng ý chuyển số tiền mặt 10 tỷ có giấy biên bản nhận tiền cho bên B để bên B thực hiện công việc liên quan đến dự án B du thuyền tại khu vực **Cảng sông H** như sau: Bên B đảm bảo sẽ giao cho Bên A Quyết định đồng ý chủ trương đầu tư của **UBND thành phố Đ** đối với Dự án Bến du thuyền tại khu vực **Cảng sông H** cho **Công ty K6** nhất đến ngày 30/3/2019. Sau ngày 30/3/2019 nếu Bên B không có kết quả như trên để giao cho Bên A thì Bên B sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền 20 tỷ đồng cho Bên A*”. Sau khi nhận số tiền 20.000.000.000 đồng, **C** giao cho **Q** 2.000.000.000 đồng, số tiền còn lại **C** khai sử dụng vào việc chi phí xin dự án nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Đến ngày 30/3/2019, không thấy **C** và **Q** giao Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, ông **K1** liên hệ hỏi thúc và được **C** và **Q** nhiều lần hứa hẹn, tuy nhiên sau đó vẫn không có kết quả. Đến ngày 8/11/2019, ông **K1** yêu cầu **Q** ký “*Biên bản v/v hoàn trả tiền thực hiện Dự án Bến du thuyền tại khu vực **Cảng sông H, phường T, quận H (Y6)***”, biên bản có nội dung **Phạm Phú Q** cam kết đến thời điểm 30/11/2019 nếu không xin được quyết định về chủ trương đầu tư dự án bến du thuyền Y6 cho **Công ty D3** thì sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận theo 02 biên bản ngày 26/02/2019 và ngày 28/02/2019.

Đến ngày 23/4/2021, sau nhiều lần được Quyền, **C** hứa hẹn nhưng vẫn không nhận được chủ trương chấp thuận đầu tư dự án, ông **K1** và ông **Ngô Quyết T5** (Thành viên Hội đồng quản trị **Công ty D3**) yêu cầu **Phạm Phú Q**, **Nguyễn Nho C** cùng ký “*Biên bản v/v hoàn trả tiền thực hiện Dự án Bến du thuyền tại khu vực **Cảng sông H, phường T, quận H (Y)** - Lần 2*” có nội dung do đến nay **Công ty D3** vẫn chưa nhận được Quyết định đồng ý chủ trương đầu tư của **UBND thành phố Đ** đối với Dự án Bến du thuyền, việc thực hiện dự án theo cam kết của **Phạm Phú Q** đã chậm trễ quá 17 tháng so với những nội dung đã cam kết (từ tháng 11/2019 đến tháng 4/2021). **Công ty D3** yêu cầu ông **Q** và ông **C** phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền 20.000.000.000 đồng cho Công ty theo hạn ngày 03/5/2021 trả 10.000.000.000 đồng, ngày 04/06/2021 trả 10.000.000.000 đồng”.

Ngoài số tiền 2.700.000.000 đồng giao trực tiếp cho **Phạm Phú Q** vào ngày 19/12/2018, ông **K1** còn nhiều lần đưa tiền mặt cho **Q**, tổng cộng số tiền ông **K1** đưa cho **Q** là 7.000.000.000 đồng. Do đó, ngày 23/4/2021, ông **K1** và **Q** lập và ký “*Biên bản về việc hoàn trả tiền thực hiện dự án bến du thuyền tại khu vực **cảng sông H phường T quận H (Y6)** - lần 3*” có nội dung: Đại diện **Công ty D3** là ông **Lê Bảo K1** đã giao tiền mặt cho **Phạm Phú Q** lần 3 số tiền 7.000.000.000 đồng, mục đích để ông **K1** giao cho **Công ty D3** Quyết định đồng ý chủ trương đầu tư của **Ủy ban nhân dân thành phố Đ** đối với dự án bến du thuyền tại khu vực **cảng sông H (Y)**. Đến hiện tại việc thực hiện dự án theo cam kết của **Phạm Phú Q** đã chậm trễ quá 17 tháng so với nội dung cam kết (từ tháng 11/2019 đến tháng 4/2021) nên thống nhất vào ngày 04/7/2021, **Phạm Phú Q** sẽ hoàn trả số tiền 7.000.000.000 đồng cho ông **K1**. Tuy nhiên đến nay **Q** và **C** không trả lại tiền cũng không giao Quyết định đồng ý chủ trương đầu tư của **Ủy ban nhân dân thành phố Đ** đối với dự án bến du thuyền tại khu vực **cảng sông H** nên ông **K1** gửi đơn tố cáo đến cơ quan

Công an. Tổng cộng **Nguyễn Nho C** và **Phạm Phú Q** nhận và chiếm đoạt của ông **Lê Bảo K1** - đại diện **Công ty D3** số tiền 27.000.000.000 đồng. Trong đó, **Nguyễn Nho C** trực tiếp nhận 20.000.000.000 đồng, **Phạm Phú Q** trực tiếp nhận 7.000.000.000 đồng. Gia đình bị cáo **Phạm Phú Q** nộp số tiền 100.000.000 đồng, gia đình bị cáo **Nguyễn Nho C** nộp 40.000.000 đồng khắc phục hậu quả. Cơ quan điều tra có các Quyết định trưng cầu giám định số 124/QĐ-VP.CQCSĐT ngày 08/6/2023 và số 317/QĐ-VP.CQCSĐT ngày 22/11/2023 trưng cầu **Phòng K7 Công an thành phố Đ** tiến hành giám định các tài liệu thu giữ là các Biên bản thỏa thuận ký kết giữa **Công ty D3** - đại diện là ông **Lê Bảo K1** với **Phạm Phú Q**, **Nguyễn Nho C** và Giấy nhận tiền đề ngày 19/12/2019.

Theo Kết luận giám định số 590/KL-KTHS ngày 07/7/2023 của **Phòng K7 Công an thành phố Đ** kết luận:

- Chữ ký, chữ viết mang tên **Nguyễn Nho C** trên các tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với chữ ký, chữ viết của **Nguyễn Nho C** trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên **Phạm Phú Q** trên các tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A2 và A6 so với chữ ký, chữ viết của **Phạm Phú Q** trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 và M6 do cùng một người ký và viết ra.

Theo Kết luận giám định số 46/KL-KTHS ngày 03/01/2024 của **Phòng K7 Công an thành phố Đ** kết luận:

- Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và các chữ viết có nội dung “Người nhận tiền”, “**Phạm Phú Q**” nằm dưới mục “Ngày 19 tháng 12 năm 2019” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết của **Phạm Phú Q** trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (Trừ các chữ viết có nội dung: “Người nhận tiền”, “**Phạm Phú Q**” nằm dưới mục “Ngày 19 tháng 12 năm 2019”) so với chữ viết của **Phạm Phú Q** trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ ký mang tên **Phạm Phú Q** trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với chữ ký của **Phạm Phú Q** trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký ra.

- **Tang, tài vật tạm giữ:**

- + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen thu giữ của **Nguyễn Nho C** (được niêm phong).

- + Gia đình bị cáo **Phạm Phú Q** nộp số tiền 100.000.000 đồng, gia đình bị cáo **Nguyễn Nho C** nộp 40.000.000 đồng khắc phục hậu quả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 04/3/2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Nho C** và **Phạm Phú Q** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2. Về điều khoản Bộ luật Hình sự áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 BLHS, xử phạt bị cáo **Nguyễn Nho C** và **Phạm Phú Q** chung thân. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 08/8/2023. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều

174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo **Phạm Phú Q** 20 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 31/01/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, T7:

Buộc bị cáo **Nguyễn Nho C** bồi thường số tiền 17.760.000.000 (mười bảy tỷ bảy trăm sáu mươi triệu) đồng và bị cáo **Phạm Phú Q** bồi thường số tiền 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng cho **Công ty K4**

5. Về biện pháp tư pháp: Buộc ông **Nguyễn Nho Trường S1** nộp lại số tiền 1.000.000.000 đồng và ông **Nguyễn Nho H** nộp lại số tiền 367.500.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo **Nguyễn Nho C** đối với ông **Lê Bảo K1**.

Bản án sơ thẩm còn có quyết định về xử lý vật chứng, án phí

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị cáo **Nguyễn Như C1** và bị cáo **Phạm Phú Q** kháng cáo cho rằng mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng, đề nghị cấp phúc thẩm xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **Nguyễn Như C1** nguyên kháng cáo.

- Bị cáo **Phạm Phú Q** giữ nguyên kháng cáo, đồng thời trình bày sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình bồi thường đủ số tiền 1.800.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm cho **Công ty K4**

- Ông **Lê Bảo K1** xác nhận trình bày của bị cáo **Q** là đúng và đề nghị cấp phúc thẩm giảm án hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Nho C**, giữ nguyên hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo; đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phạm Phú Q** giảm hình phạt cho bị cáo.

- Căn cứ hồ sơ vụ án, căn cứ quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh, khung hình phạt: Vào khoảng năm 2018, UBND thành phố Đ có chủ trương đầu tư Dự án Bến du thuyền khu vực **Cảng sông H (Y) thuộc phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng**. **Nguyễn Nho C** và **Phạm Phú Q** mặc dù bản thân không có thẩm quyền hay mối quan hệ có thể thực hiện được việc cấp Quyết định đồng ý chủ trương đầu tư của UBND thành phố Đ, nhưng đã đưa ra thông tin gian dối có khả năng làm việc để UBND thành phố Đ ra quyết định giao cho **Công ty D3** (Công ty do ông **Lê Bảo K1** làm giám đốc) thi công, quản lý Dự

án Bến du khu vực **Cảng sông H** là ông **K1** tin tưởng để chiếm đoạt của **Công ty D3** 27.000.000.000 đồng. Vì **Nguyễn Nho C** và **Phạm Phú Q** có hành vi trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo **C** và bị cáo **Q** phạm vào “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng tội danh, đúng khung hình phạt.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Nguyễn Nho C**, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân với số tiền lừa đảo chiếm đoạt khởi điểm là 500.000.000 đồng. Bị cáo **Nguyễn Nho C** và **Phạm Phú Q** lừa đảo chiếm đoạt của ông **Lê Bảo K1** (giám đốc **Công ty D3**) tổng số tiền 27.000.000.000 đồng, bị cáo **C** là người trực tiếp đưa ra các văn bản về việc sẽ có Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án bến du thuyền làm anh **K1** tin tưởng và bị cáo **C** cũng là người trực tiếp nhận của anh **K1** số tiền 20.000.000.000 đồng lớn hơn rất nhiều so với bị cáo **Q**, nhưng bị cáo **C** khắc phục trả lại không nhiều. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét bị cáo **C** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả; bị cáo **C** thờ cúng 02 liệt sỹ và mẹ bị cáo **C** là mẹ Việt Nam anh hùng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên xử phạt bị cáo **C** tù chung thân là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo **C** và vợ bị cáo **C** đề nghị Tòa án triệu tập **Ngân hàng TMCP K3 – Chi nhánh Thành phố H** đến phiên tòa phúc thẩm để hỏi về trị giá 2 căn hộ mà vợ chồng bị cáo **C** đang thế chấp tại Ngân hàng, trừ số tiền vợ chồng bị cáo **C** đang vay Ngân hàng thì vợ chồng bị cáo tự nguyện bồi thường cho **Công ty D3** để có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới để xem xét giảm hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng trả lời hiện tại dư nợ của vợ chồng bị cáo **C** tại Ngân hàng là 4.872.000.000 đồng, trong khi ông **Lê Bảo K1** trình bày giá thị trường cao nhất 2 căn hộ của vợ chồng bị cáo **C** chưa đến 5 tỷ đồng; do đó, giá trị cao nhất của 2 căn hộ chỉ đủ thanh toán cho Ngân hàng nên không có cơ sở để xác định bị cáo **C** bồi thường thêm cho **Công ty D3**, vì vậy, cấp phúc thẩm xét không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo **Nguyễn Nho C**.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo **Phạm Phú Q** thấy bị cáo **Q** trực tiếp nhận của **Công ty D3** 7.000.000.000 đồng, khắc phục được phần lớn chỉ còn lại 1.800.000.000 đồng và do được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo **Q** được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba, Huân chương chiến công hạng ba, Bằng khen của Bộ trưởng **Bộ Q1**, cha mẹ bị cáo **Q** là người có công với cách mạng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 20 năm tù cũng là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **C** đã tác động gia đình bồi thường đủ số tiền 1.800.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm cho **Công ty D3**, được ông **Lê Bảo K1** xác nhận tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện công tố tại phiên tòa giam cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện công tố cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên “Buộc ông **Nguyễn Nho Trường S1** nộp lại số tiền 1.000.000.000 đồng và ông **Nguyễn Nho H** nộp lại số tiền 367.500.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo **Nguyễn Nho C** đối với ông **Lê Bảo K1**” là không đúng vì tiền bị cáo **C** chiếm đoạt của **Công ty K8** không phải của ông **Lê Bảo K1**, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét đề nghị này là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Nguyễn Nho C** kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu; bị cáo **Phạm Phú Q** kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 04/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về hình phạt đối với bị cáo **Phạm Phú Q** và sửa về cách tuyên biện pháp tư pháp, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Nho C**, cụ thể như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Nho C** “Tù chung thân” về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/8/2023.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Phạm Phú Q** 19 (mười chín) năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/01/2024.

Về trách nhiệm dân sự căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc:

- Bị cáo **Nguyễn Nho C** bồi thường 17.760.000.000 (mười bảy tỷ bảy trăm sáu mươi triệu) đồng cho **Công ty TNHH D3** (nay là **Công ty TNHH Đ**);

- Buộc bị cáo **Phạm Phú Q** bồi thường 1.800.000.000 đồng cho **Công ty TNHH D3** (nay là **Công ty TNHH Đ**), đã bồi thường xong.

Về biện pháp tư pháp: buộc ông **Nguyễn Nho Trường S1** nộp lại 1.000.000.000 đồng và ông **Nguyễn Nho H** nộp lại 367.500.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo **Nguyễn Nho C** đối với **Công ty TNHH D3** (nay là **Công ty TNHH Đ**).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Nguyễn Nho C** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo **Phạm Phú Q** không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện công tố và KSXX tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng;
- VKSND Tp Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an Tp Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an Tp Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự Tp Đà Nẵng;
- Bị cáo (thông qua trại tạm giam):
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

Đặng Kim Nhân